TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ SÊ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2019/QĐST-KDTM	*Chư Sê, ngày 05 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2019/TLST-KDTM ngày 25 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V.

Địa chỉ:Tháp BIDV, 35 Hàng V, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nam D – Phó Giám đốc phòng giao dịch Chư S thuộc Chi nhánh Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Nam Gia Lai.

Địa chỉ: 802 Hùng V, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố xx, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị C: Anh Lê Văn C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: tổ dân phố 12, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ phải trả:

Bà Lê Thị C công nhận có nợ và có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V - Chi nhánh Nam Gia Lai thông qua phòng giao dịch Chư Sê là tổng số tiền là 2.836.042.971 đồng *(Hai tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu không trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi mốt đồng)*. Trong đó: Nợ gốc: 2.561.729.575 đồng và nợ lãi vay: 274.313.396 đồng (Lãi vay tính đến ngày 28/3/2019).

2.2. Về thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán:

Đợt 1: Bà Lê Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Gia Lai thông qua phòng giao dịch Chư S số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 30/9/2019.

Đợt 2: Bà Lê Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Gia Lai thông qua phòng giao dịch Chư S số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 30/12/2019.

Đợt 3: Bà Lê Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Gia Lai thông qua phòng giao dịch Chư S hết số tiền còn lại là 2.816.042.971 vào ngày 28/3/2020.

Nếu đến thời hạn trên mà bà Lê Thị C không thanh toán hoặc thanh toán không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/9163750/HĐBĐ ký kết ngày 04/11/2016 để thu hồi nợ, cụ thể gồm những tài sản thế chấp sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ 24 Thôn Tân T, xã Ia V, huyện Chư P, tỉnh Gia Lai, diện tích 4275m^2, đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 454672 do UBND huyện Chư P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 26/3/2015.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 23a, 24, 26, tờ bản đồ 24 tại xã Ia V, huyện Chư P, tỉnh Gia Lai, diện tích 55,946m^2, đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 036362 do UBND huyện Chư P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 29/3/2006.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 473a, tờ bản đồ 11 tại Thôn x, xã Ia H, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai, diện tích 5500,0m^2, đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 265791 do UBND huyện Chư S, tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/7/2007.

Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Gia Lai thông qua phòng giao dịch Chư S có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị C 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 454672 do UBND huyện Chư P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 26/3/2015; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 036362 do UBND huyện Chư P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 29/3/2006; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 265791 do UBND huyện Chư S, tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/7/2007 khi bà Lê Thị C thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

2.3. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên được giảm 50% tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 44.360.429 đồng (bốn mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng) {[72.000.000 đồng + 2% x (2.836.042.971 đồng – 2.000.000.000 đồng)]: 2 }.

Hai bên đương sự thỏa thuận bà Lê Thị C chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Gia Lai thông qua phòng giao dịch Chư S số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền

43.610.861 đồng đã nộp theo Biên lai số 0007766 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư S, tỉnh Gia Lai.

"Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chư Sê;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Ngọc Tú

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

Mẫu số 38-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../...../QĐST-..... [2]	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	...., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày…..tháng……năm ….. về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:…/…./TLST-.....[3] ngày…tháng… năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:[4]

…….....…….....

…….....…….....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[5]

…….....…….....

…….....…….....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:	**THẨM PHÁN**
- Đương sự;	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;	
- Lưu hồ sơ vụ án.	

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).